



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 04/02/2026

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.0402-001	Dương Hồng Anh	Nữ	25.03.2002	Phú Thọ
2	TN.0402-002	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	09.11.2003	Hà Nội
3	TN.0402-003	Vàng Tuấn Anh	Nam	02.09.1994	Lào Cai
4	TN.0402-004	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	26.08.2001	Bắc Ninh
5	TN.0402-005	Dương Thị Vân Anh	Nữ	01.01.2002	Ninh Bình
6	TN.0402-006	Nguyễn Đăng Hải Anh	Nam	19.09.2000	Thái Nguyên
7	TN.0402-007	Lê Thị Lan Anh	Nữ	22.06.2004	Tuyên Quang
8	TN.0402-008	Phạm Thị Hà Anh	Nữ	22.03.2002	Hưng Yên
9	TN.0402-009	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	30.05.2002	Hưng Yên
10	TN.0402-010	Lương Thị Tuyết Bạch	Nữ	05.07.2004	Tuyên Quang
11	TN.0402-011	Hầu Thị Bích	Nữ	10.04.2003	Tuyên Quang
12	TN.0402-012	Mai Minh Căn	Nam	19.05.2002	Thái Nguyên
13	TN.0402-013	Nguyễn Hữu Cường	Nam	13.10.2003	Đồng Nai
14	TN.0402-014	Vũ Khánh Chi	Nữ	10.11.2003	Ninh Bình
15	TN.0402-015	Ma Thị Chi	Nữ	04.09.2002	Thái Nguyên
16	TN.0402-016	Lương Ngọc Chinh	Nữ	29.11.2001	Bắc Ninh
17	TN.0402-017	Douangchaleun Daoviang	Nam	28.02.1979	Hà Nội
18	TN.0402-018	Bàn Thị Dân	Nữ	10.12.2004	Tuyên Quang
19	TN.0402-019	Châu Thị Diễn	Nữ	12.10.2001	Tuyên Quang
20	TN.0402-020	Dương Huyền Dịu	Nữ	15.01.2004	Lạng Sơn
21	TN.0402-021	Vũ Khương Duy	Nam	19.02.2000	Hưng Yên
22	TN.0402-022	Tô Đình Dương	Nam	19.10.2002	Bắc Ninh
23	TN.0402-023	Hồ Tuấn Đạt	Nam	19.07.2002	Thái Nguyên
24	TN.0402-024	Nguyễn Thị Phương Giang	Nữ	29.11.2002	Thanh Hoá
25	TN.0402-025	Dương Hồng Giang	Nữ	31.01.2003	Hà Nội
26	TN.0402-026	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02.04.2004	Phú Thọ
27	TN.0402-027	Nguyễn Hoàng Hương Giang	Nữ	07.10.2004	Tuyên quang
28	TN.0402-028	Hoàng Hà Giang	Nữ	20.09.2001	Lạng Sơn
29	TN.0402-029	Phùng Thị Thu Hà	Nữ	13.11.2001	Thái Nguyên
30	TN.0402-030	Đinh Thu Hà	Nữ	12.05.1995	Phú Thọ
31	TN.0402-031	Dặng Thị Hà	Nữ	01.09.2004	Tuyên quang
32	TN.0402-032	Nguyễn Hải Hà	Nữ	29.08.1999	Thái Nguyên
33	TN.0402-033	Đỗ Trọng Hậu	Nam	29.12.2001	Lào Cai
34	TN.0402-034	Lê Văn Hiếu	Nam	20.05.2003	Bắc Ninh
35	TN.0402-035	Ma Thị Hoà	Nữ	21.08.2004	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 35 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLLN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 04/02/2026

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.0402-036	Lương Thị Thanh Hoài	Nữ	16.06.2002	Phú Thọ
2	TN.0402-037	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	18.12.2002	Cao Bằng
3	TN.0402-038	Nguyễn Thế Hoàng	Nam	21.02.2004	Đồng Nai
4	TN.0402-039	Phạm Mai Huê	Nữ	17.12.2004	Tuyên Quang
5	TN.0402-040	Nguyễn Thị Huê	Nữ	19.10.2004	Bắc Ninh
6	TN.0402-041	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	11.02.2002	Bắc Ninh
7	TN.0402-042	Phương Thị Thu Huệ	Nữ	13.08.2004	Tuyên Quang
8	TN.0402-043	Vũ Thị Hương Huệ	Nữ	24.02.2001	Tuyên Quang
9	TN.0402-044	Lê Thị Hồng Huệ	Nữ	08.06.2004	Tuyên Quang
10	TN.0402-045	Ma Tuấn Hùng	Nam	14.10.2004	Tuyên Quang
11	TN.0402-046	Vừ A Hùng	Nam	02.09.2004	Điện Biên
12	TN.0402-047	Nguyễn Tiến Huy	Nam	13.05.2007	Thái Nguyên
13	TN.0402-048	Hà Thu Huyền	Nữ	18.05.2004	Phú Thọ
14	TN.0402-049	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	24.08.2005	Tuyên Quang
15	TN.0402-050	Nguyễn Hữu Huỳnh	Nam	03.04.2002	Bắc Ninh
16	TN.0402-051	La Thị Hứa	Nữ	16.05.2004	Tuyên Quang
17	TN.0402-052	Hoàng Thu Hương	Nữ	01.08.2004	Tuyên Quang
18	TN.0402-053	Tạ Lan Hương	Nữ	20.03.2005	Hung Yên
19	TN.0402-054	Chào Quỳnh Hương	Nữ	26.03.2004	Tuyên Quang
20	TN.0402-055	Khổng Thị Hương	Nữ	19.10.2002	Phú Thọ
21	TN.0402-056	Trần Hoàng Thu Hương	Nữ	08.06.2006	Phú Thọ
22	TN.0402-057	Lý Mai Hương	Nữ	10.11.1997	Thái Nguyên
23	TN.0402-058	Đỗ Thúy Hường	Nữ	21.06.2005	Phú Thọ
24	TN.0402-059	Cần Thu Hương	Nữ	18.10.2003	Hà Nội
25	TN.0402-060	Nguyễn Thị Yến Khanh	Nữ	27.03.2004	Bắc Ninh
26	TN.0402-061	Phạm Minh Khanh	Nữ	25.06.2002	Hà Nội
27	TN.0402-062	Nguyễn Ngọc Khoa	Nam	02.05.2003	Thái Nguyên
28	TN.0402-063	Hứa Phương Lam	Nữ	26.08.2003	Lạng Sơn
29	TN.0402-064	Phạm Mai Lan	Nữ	23.07.2002	Bắc Ninh
30	TN.0402-065	Nguyễn Thị Thanh Lan	Nữ	01.09.2004	Quảng Ninh
31	TN.0402-066	Nông Thị Mỹ Lệ	Nữ	15.03.2002	Thái Nguyên
32	TN.0402-067	Lò Thuỳ Linh	Nữ	22.06.2002	Điện Biên
33	TN.0402-068	Nguyễn Hoàng Yến Linh	Nữ	06.01.2003	Hung Yên
34	TN.0402-069	Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	19.05.2004	Tuyên Quang

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 04/02/2026

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.0402-070	Lê Trần Nhật Linh	Nữ	14.10.2002	Phú Thọ
2	TN.0402-071	Trịnh Diệu Linh	Nữ	16.01.2002	Thái Nguyên
3	TN.0402-072	Phan Vũ Thuỳ Linh	Nữ	05.11.1999	Thái Nguyên
4	TN.0402-073	Hà Thúy Loan	Nữ	16.01.2001	Lạng Sơn
5	TN.0402-074	Nguyễn Đức Long	Nam	12.09.1996	Hà Nội
6	TN.0402-075	Cao Văn Long	Nam	23.12.2002	Thái Nguyên
7	TN.0402-076	Nguyễn Thắng Lợi	Nữ	06.06.2004	Tuyên Quang
8	TN.0402-077	Trần Văn Lương	Nam	02.07.2001	Phú Thọ
9	TN.0402-078	Phạm Thị Cẩm Ly	Nữ	29.05.2003	Tuyên Quang
10	TN.0402-079	Cút Thị Thanh Mai	Nữ	16.04.2002	Sơn La
11	TN.0402-080	Phạm Thị Mai	Nữ	06.10.2002	Bắc Ninh
12	TN.0402-081	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	26.05.1975	Hà Nội
13	TN.0402-082	Nguyễn Trường Minh	Nam	24.12.2003	Hung Yên
14	TN.0402-083	Nông Văn Minh	Nam	26.03.2004	Tuyên Quang
15	TN.0402-084	Hà Thị Trà My	Nữ	19.12.2005	Tuyên Quang
16	TN.0402-085	Hoàng Hà My	Nữ	25.10.2004	Lào Cai
17	TN.0402-086	Hoà Thị Mỹ Na	Nữ	17.12.2004	Tuyên Quang
18	TN.0402-087	Cái Phương Nam	Nam	04.01.2003	Phú Thọ
19	TN.0402-088	Quan Thị Nụ	Nữ	21.11.2004	Tuyên Quang
20	TN.0402-089	Nguyễn Thị Hồng Ngát	Nữ	23.11.2004	Tuyên Quang
21	TN.0402-090	Vũ Minh Ngọc	Nam	26.02.2002	Thái Nguyên
22	TN.0402-091	Hoàng Thị Thanh Ngọc	Nữ	20.10.2004	Tuyên Quang
23	TN.0402-092	Trần Thị Ngọc	Nữ	08.07.2004	Lào Cai
24	TN.0402-093	Chu Hạnh Nguyên	Nữ	19.04.2002	Bắc Ninh
25	TN.0402-094	Đặng Thị Nguyệt	Nữ	23.03.2004	Hà Nội
26	TN.0402-095	Lý Thị Minh Nguyệt	Nữ	06.11.2004	Tuyên Quang
27	TN.0402-096	Triệu Hoài Nhân	Nữ	26.02.2004	Thái Nguyên
28	TN.0402-097	Nông Yến Nhi	Nữ	20.11.2004	Tuyên Quang
29	TN.0402-098	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	09.01.2004	Lào Cai
30	TN.0402-099	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	13.10.1990	Hung Yên
31	TN.0402-100	Cao Hồng Nhung	Nữ	06.01.2003	Phú Thọ
32	TN.0402-101	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	08.01.2004	Hà Nội
33	TN.0402-102	Nguyễn Công Phúc	Nam	28.01.2002	Thái Nguyên
34	TN.0402-103	Lù Thị Phúc	Nữ	17.09.2003	Lai Châu

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 04/02/2026

PHÒNG THI 04

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.0402-104	Hoàng Thu Phương	Nữ	06.10.2000	Bắc Ninh
2	TN.0402-105	Hoàng Thị Thanh Quyên	Nữ	09.06.2004	Tuyên Quang
3	TN.0402-106	Đặng Như Quỳnh	Nữ	10.06.2004	Tuyên Quang
4	TN.0402-107	Phạm Thị Diễm Quỳnh	Nữ	31.03.2004	Ninh Bình
5	TN.0402-108	Châu Thị Tâm	Nữ	17.03.2004	Tuyên Quang
6	TN.0402-109	Nguyễn Trọng Tấn	Nam	03.08.2002	Hà Tĩnh
7	TN.0402-110	Nguyễn Đức Toàn	Nam	29.07.2000	Hà Nội
8	TN.0402-111	Nguyễn Trần Anh Tú	Nam	22.08.2002	Hà Tĩnh
9	TN.0402-112	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	14.10.2004	Tuyên Quang
10	TN.0402-113	Thạch Thị Phương Thảo	Nữ	22.06.2004	Tuyên Quang
11	TN.0402-114	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	06.08.2004	Hà Nội
12	TN.0402-115	Trần Đức Thắng	Nam	25.12.2002	Thái Nguyên
13	TN.0402-116	Bùi Thị Minh Thơ	Nữ	12.04.2002	Bắc Ninh
14	TN.0402-117	Lã Hồng Thu	Nữ	16.08.2004	Tuyên Quang
15	TN.0402-118	Đàm Thị Thủy	Nữ	20.04.2002	Cao Bằng
16	TN.0402-119	Nguyễn Thanh Thuý	Nữ	27.07.2005	Tuyên Quang
17	TN.0402-120	Nguyễn Thị Thương	Nữ	18.04.2004	Tuyên Quang
18	TN.0402-121	Bùi Thị Thương	Nữ	24.04.2004	Tuyên Quang
19	TN.0402-122	Trần Thị Anh Trà	Nữ	03.07.2002	Thái Nguyên
20	TN.0402-123	Nông Thị Trang	Nữ	23.01.1998	Thái Nguyên
21	TN.0402-124	Hoàng Thị Kiều Trang	Nữ	13.12.2004	Tuyên Quang
22	TN.0402-125	Hoàng Kiều Trang	Nữ	10.12.2005	Cao Bằng
23	TN.0402-126	Vũ Thị Quỳnh Trang	Nữ	10.10.1997	Thái Nguyên
24	TN.0402-127	Nguyễn Quỳnh Trâm	Nữ	22.07.2002	Thái Nguyên
25	TN.0402-128	Nguyễn Thị Hương Trúc	Nữ	03.11.2004	Tuyên Quang
26	TN.0402-129	Hoàng Quý Trung	Nam	26.08.2002	Thái Nguyên
27	TN.0402-130	Đinh Phương Uyên	Nữ	13.12.2004	Tuyên Quang
28	TN.0402-131	Bùi Thanh Vân	Nữ	06.06.2004	Phú Thọ
29	TN.0402-132	Đặng Quốc Việt	Nam	04.07.2000	Ninh Bình
30	TN.0402-133	Giàng Thị Xuân	Nữ	18.08.2004	Son La
31	TN.0402-134	Nguyễn Lê Bảo Yến	Nữ	21.07.2004	Tuyên Quang
32	TN.0402-135	Lưu Thị Hải Yến	Nữ	16.07.2004	Son La
33	TN.0402-136	Đinh Thị Hải Yến	Nữ	01.05.2002	Phú Thọ
34	TN.0402-137	Vàng A Yêu	Nam	28.05.1999	Lào Cai

Ấn định danh sách có 34 thí sinh.